

Số: /QĐ-TCĐL

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp tiền trợ cấp xã hội đối với học sinh trung cấp hệ chính quy
lớp K16VT1, K16KT3 Học kỳ 1, năm học 2025 - 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ trường Trung cấp;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-SLĐTBXH, ngày 05/01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Điều lệ của trường Trung cấp Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ Tướng Chính Phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và các văn bản hướng dẫn khác (Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002; Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009);

Căn cứ Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08/03/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo;

Căn cứ Công văn số 296/BDDT-GS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TCĐL ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Trung cấp Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hồ sơ xét chế độ, chính sách nội trú, trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí đối với học sinh trung cấp hệ chính quy học kỳ 1, năm học 2025 – 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp tiền trợ cấp xã hội đối với học sinh trung cấp hệ chính quy lớp K16VT1, K16KT3 học kỳ 1, năm học 2025-2026 cho 04 học sinh thuộc đối tượng dân tộc ít người vùng cao (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Mức trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/tháng đối với học sinh là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 100.000 đồng/tháng đối với học sinh thuộc hộ nghèo.

Tiền trợ cấp xã hội được cấp 06 tháng/học kỳ.

Điều 3: Trưởng phòng Tổ chức, hành chính - Kế toán, phòng Đào tạo - Công tác HSSV, các phòng, khoa có liên quan, các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT-CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Hùng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CẤP TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY
LỚP K16VT1, K16KT3 HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 – 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐL ngày tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đắk Lắk)

STT	Lớp	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Nam/nữ	Dân tộc thiểu số	Hộ Khẩu Thường trú	Diện TCXH HK1 năm học 2025-2026	Ghi chú
1	K16VT1	H Bun Ngân Hwing	26/12/2002	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Trí A, Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
2	K16VT1	Y Mênh Knul	31/01/2010	Đắk Lắk	Nam	M'Nông	Buôn Ndréch, Ea Wer, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
3	K16VT1	H' Thơ Kđoh	22/10/2009	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Ea Rông B, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
4	K16KT3	H Rian Ayũn	05/12/2006	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	91 Buôn Briêng B, Krông Pắc, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	

- Danh sách này có 04 học sinh
Trong đó: Học sinh dân tộc thiểu số vùng cao: 04 học sinh.

Số: /QĐ-TCĐL

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp tiền trợ cấp xã hội đối với học sinh trung cấp hệ chính quy
Học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ trường Trung cấp;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-SLĐTBXH, ngày 05/01/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Điều lệ của trường Trung cấp Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ Tướng Chính Phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và các văn bản hướng dẫn khác (Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002; Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009);

Căn cứ Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08/03/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo;

Căn cứ Công văn số 296/BDDT-GS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TCĐL ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Trung cấp Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hồ sơ xét chế độ, chính sách nội trú, trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí đối với học sinh trung cấp hệ chính quy học kỳ 1, năm học 2025 – 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp tiền trợ cấp xã hội đối với học sinh trung cấp hệ chính quy học kỳ 1, năm học 2025-2026 cho 51 học sinh. Trong đó: 50 học sinh thuộc đối tượng dân tộc ít người vùng cao; 01 học sinh thuộc diện hộ nghèo (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Mức trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/tháng đối với học sinh là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 100.000 đồng/tháng đối với học sinh thuộc hộ nghèo.

Tiền trợ cấp xã hội được cấp 06 tháng/học kỳ.

Điều 3: Trưởng phòng Tổ chức, hành chính - Kế toán, phòng Đào tạo - Công tác HSSV, các phòng, khoa có liên quan, các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT-CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thanh Hùng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CẤP TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TCĐL ngày tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đắk Lắk)

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	NAM/ NỮ	DÂN TỘC THIỆU SỐ	HỌ KHÁU THƯỜNG TRÚ	DIỆN TCXH HKI NĂM HỌC 2025-2026	GHI CHÚ
1	K15CBMA1	H Hùm Knul	23/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	M'Nông	Buôn Trí B, Xã Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
2	K15CBMA1	H Niê La Ênuôl	25/05/2001	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Tul B, Ea Wer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
3	K15CBMA1	Y U Ri Bu Đăm	29/09/2007	Đắk Lắk	Nam	M'Nông	Ea Rông B, Krông Na, Buôn Đôn , Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
4	K15CT1	Mùa Cang Dên	20/02/2009	Sơn La	Nam	Mông	Thôn 12, Vụ Bồn, Krông Păk, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
5	K15CT1	Cháng Thị Hiền	24/11/2009	Hà Giang	Nữ	Mông	Thôn Thanh Thủy, Vụ Bồn, Krông Păk, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
6	K15CT1	Giàng Seo Thảng	01/09/2009	Đắk Lắk	Nam	H mông	Thôn 16, Xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
7	K15CT1	Huỳnh Thị Trúc Ly	02/02/2009	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Thôn Giang Thịnh, Tam Giang, Krông Năng, Đắk Lắk	Hộ nghèo	
8	K15CT1	Ma Văn Tờ	22/10/2008	Hà Giang	Nam	Mông	Thôn 16, Xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
9	K15DD1	Vương Văn Lợi	25/03/2008	Bắc Kạn	Nam	Mông	Thôn 15, Xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
10	K15KT2	Thào Công Nụ	04/06/2008	Hà Giang	Nam	Mông	Thôn Lũng Sán, xã Nàn Ma, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	DTTS vùng cao	
11	K15KT2	Đàm Thị Tâm	18/04/2007	Đắk Lắk	Nữ	Tày	Thôn 3, Cư Kbang, Ea Súp, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
12	K15KT3	H Yêu Kiêng Hra	14/10/2000	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Ea Pri, EaWer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
13	K15TNMT1	H - LaNa Mlô	01/11/2009	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn M'Ar, Cư Huê, Ea kar, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
14	K15TNMT1	H - Nhát - Niê	08/03/2009	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn TLung, Ea Kar, Ea Kar, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
15	K15TT1	H' Nói Niê	17/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	M'Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	

16	K15VT1	H'	Ái Nhi Rya	08/03/2008	Đắk Lắk	Nữ	M'Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
17	K15VT1	Lê Thị	Giáo	14/05/1996	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Tul A, Xã Ea Wer, Huyện Buôn Đôn,Tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
18	K15VT1	H	Kiếp Kpor	02/12/1989	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Tul B, Xã Ea Wer, Huyện Buôn Đôn,Tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
19	K15VT1	H	Liếp Hra	10/06/1993	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Buôn Tul B, Xã Ea Wer, Huyện Buôn Đôn,Tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
20	K15VT1	H	Nữ Knul	20/07/1989	Đắk Lắk	Nữ	M'Nông	Buôn Đrang Phôk, Xã Krông Na, Huyện Buôn Đôn,Tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
21	K16CT1	Y	Binh Niê	13/12/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
22	K16CT1	H	Đa Ni En Mlô	11/07/2008	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
23	K16CT1	Y	Đạt Mlô	15/08/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
24	K16CT1	Y	Gem Niê	12/03/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
25	K16CT1	Y	Hậu Niê Ktul	28/12/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
26	K16CT1	Y	Hung Niê	13/03/2008	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	62 Buôn Than, xã Cư Pong, Krông Buk, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
27	K16CT1	Y	Joa Wist Niê	03/02/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
28	K16CT1	Y	Khanh Niê	03/06/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
29	K16CT1	Y	Khoa Niê	13/10/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
30	K16CT1	Y	Luân Niê	23/06/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	xã M'Drăk, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
31	K16CT1	Y	Mi Chê Niê	11/06/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Đlê Ya, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
32	K16CT1	H	Mi Da Kđoh	28/04/2009	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
33	K16CT1	Y	Mi Kê Niê	26/08/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
34	K16CT1	H	Nhi Niê	22/12/2008	Đắk Lắk	Nữ	Ê đê	Xã Cư Né, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
35	K16CT1	Y	Quân Niê Ktul	27/07/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
36	K16CT1	Y	Quốc Ayũn	09/10/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
37	K16CT1	Y	Trai Niê	05/11/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	

38	K16CT1	Y	Trung Mlô	05/03/2008	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
39	K16CT1	Y	Xăng Niê	12/11/2008	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
40	K16CT1	Y	Yê Rô Mlô	11/11/2009	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
41	K16CT1	Y	Zi Đan Mlô	25/09/2010	Đắk Lắk	Nam	Ê đê	Xã Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
42	K16DD2	Cháng Seo	Dùng	16/04/2008	Đắk Lắk	Nam	Mông	Thôn Ea Sanh, Krông Á, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
43	K16DD2	Liều Văn	Khai	18/12/2008	Đắk Lắk	Nam	Mông	Thôn Ea Sanh, Krông Á, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
44	K16DD2	Cù Minh Thái	Sơn	14/06/2009	Đắk Lắk	Nam	Mông	Thôn 7, Krông Á, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
45	K16DD2	Thào Văn	Sùng	14/11/2007	Lào Cai	Nam	Mông	Ea Sanh, Xã Krông Á, Tỉnh Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
46	K16DD2	Giàng Minh	Thức	10/10/2009	Đắk Lắk	Nam	Mông	Thôn 7, Krông Á, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
47	K16KT1	Hoàng Văn	Kiệt	08/02/2003	Đắk Lắk	Nam	Nùng	Thôn 3, xã Cư Bang, huyện Ea Súp, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
48	K16TT1	Trần Đức	Duy	08/02/2004	Đắk Lắk	Nam	M'Nông	Xã Buôn Triết, Lắk, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
49	K16TT1	Lô Kiều	Trang	26/04/2001	Đắk Lắk	Nam	Tày	Thôn 5, Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
50	K16TT2	Phan Thị Thanh	Thủy	03/12/2009	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	Thôn 5, xã Ea Róc, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	
51	K16TT2	Nông Thủy	Trang	08/09/2010	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	Thôn 4b, Xã Ea Róc, Đắk Lắk	DTTS vùng cao	

- Danh sách này có 51 học sinh

Trong đó:

+ Học sinh dân tộc ít người vùng cao: 50 học sinh.

+ Học sinh thuộc hộ nghèo: 01 học sinh.